

Số: 1384/QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày 24 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình
Giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề
trên địa bàn huyện năm 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Kế hoạch số 12-KH/HU ngày 10/10/2012 của Huyện ủy Tuy Phước về việc tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 05 của Huyện ủy khóa (XIX) về “Giảm nghèo, giải quyết việc làm” giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 18/01/2012 của UBND huyện Tuy Phước về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm giai đoạn 2011-2015 và định hướng giảm nghèo đến năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Lao động - TB&XH huyện tại Tờ trình số 61/TTr-LĐTBXH ngày 22/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề trên địa bàn huyện năm 2015.

Điều 2. Giao Trưởng phòng Phòng Lao động - TB&XH căn cứ Kế hoạch được phê duyệt, chủ trì phối hợp các phòng, ban liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện. Thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện cho lãnh đạo UBND huyện biết để có chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Lao động - TB&XH huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *HL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở LĐTB&XH (b/cáo);
- TT Huyện ủy (b/cáo);
- CT và PCT UBND huyện;
- Ban Chỉ đạo GN-GQVL&ĐTN;
- Lưu; VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Tích Hiếu
Phạm Tích Hiếu

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo,
giải quyết việc làm và đào tạo nghề năm 2015 trên địa bàn huyện**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1384/QĐ-UBND
ngày 24/4/2015 của UBND huyện)*

Thực hiện Kế hoạch số 12 -KH/HU ngày 10/10/2011 của Huyện ủy về việc tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 05 của Huyện ủy (khóa XIX) về “Giảm nghèo, giải quyết việc làm” giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

Thực hiện Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 18/01/2012 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề (GN-GQVL&ĐTN) trên địa bàn huyện năm 2015, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GN-GQVL&ĐTN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2014

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Đánh giá chung

Trong năm qua, với quyết tâm của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả quan trọng. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 5,03% xuống còn 3,72% giảm 1,31% so với KH, giải quyết việc làm cho 3.210 lao động, vượt 321% so với KH; đào tạo nghề cho 553 lao động nông thôn, hoàn thành chỉ tiêu kinh phí của tỉnh phân bổ, nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo được triển khai thực hiện, các vấn đề cơ bản, bức xúc đối với người nghèo, như: nhà ở, đất sản xuất, khám chữa bệnh, học tập, chính sách an sinh xã hội, hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông - lâm - ngư... được giải quyết kịp thời; các chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, cho vay ưu đãi đã góp phần quan trọng cho công tác giảm nghèo và thoát nghèo bền vững; các chính sách giảm nghèo đã tiếp tục phát huy tác dụng, hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhiều cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội, phát triển sản xuất, tạo thu nhập.

Bên cạnh đó, cùng với sự tăng trưởng kinh tế, các chính sách, dự án đầu tư, hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã được triển khai thực hiện có hiệu quả góp phần làm cho kinh tế - xã hội nhiều địa phương phát triển, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao. Cụ thể: Trong năm, toàn huyện đã huy động 150.785 triệu đồng để đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế hạ tầng phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân. Triển khai cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo 08 chương trình tín dụng ưu đãi với tổng dư nợ 230.587 triệu đồng, tăng 3,94 % so cùng kỳ.

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn huyện tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện kịp thời có hiệu quả; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từng bước được đầu tư nâng cấp, công tác khám chữa bệnh và điều trị có bước chuyển biến khá. Trong năm đã thực hiện khám chữa bệnh cho 263.302 lượt người, trong đó 6.182 người nghèo. Đã tập trung giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách mới được ban hành đối với các đối tượng người có công trên địa bàn. Cấp 2.644 thẻ BHYT người có công và thân nhân của họ; xác lập 58 hồ sơ đề nghị truy tặng và phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng theo Pháp lệnh mới; tổ chức điều dưỡng cho người có công và phối hợp thực hiện hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo đúng quy định. Tổ chức thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách nhân các dịp lễ, tết với tổng số tiền gần 1,7 tỷ đồng. Trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho gần 8.000 đối tượng bảo trợ xã hội, với số tiền thực hiện trên 28 tỷ đồng; hỗ trợ tiền điện cho 2.506 lượt hộ nghèo, với số tiền 900 triệu đồng; hỗ trợ 25 hộ nghèo có nhà ở đơn sơ xây dựng lại nhà ở, với số tiền 945 triệu đồng; cấp 5.512 thẻ BHYT cho người nghèo, 9.139 thẻ BHYT người cao tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội, người cận nghèo,... Bên cạnh đó, công tác cứu trợ đột xuất cũng được thực hiện thường xuyên, kịp thời và có hiệu quả, nhất là hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả sau thiên tai, góp phần ổn định cuộc sống cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Đã phân bổ 600 tấn gạo của Chính phủ hỗ trợ cứu trợ 28.466 lượt hộ với 38.143 nhân khẩu; hỗ trợ khắc phục nhà sập hoàn toàn cho 183 hộ có đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, 06 nhà ở bị hư hỏng nặng do lũ lụt năm 2013 gây ra; vận động các tổ chức, cá nhân từ thiện tặng 1.542 suất quà với số tiền gần 660 triệu đồng cho các hộ bị thiên tai, lũ lụt,... Ngoài ra, trẻ em nghèo, người nghèo được khám chữa bệnh nhân đạo, từ thiện miễn phí, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ngày càng được quan tâm đúng mức và chăm sóc tốt hơn. Công tác tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở tiếp tục được quan tâm góp phần quan trọng vào việc nâng cao trình độ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình GN-GQVL&ĐTN.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1 Tồn tại, hạn chế

- Thành viên Ban chỉ đạo huyện chủ yếu là làm việc kiêm nhiệm, nên việc nêu cao vai trò, trách nhiệm trong công tác GN-GQVL&ĐTN, bám sát cơ sở để chỉ đạo, định hướng còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước vẫn đạt hiệu quả chưa cao.

- Hiện nay, người nghèo đang được hưởng thụ nhiều chính sách hỗ trợ, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ trực tiếp (*chính sách BHYT, chính sách hỗ trợ giáo dục, chính sách hỗ trợ về nhà ở, tiền điện...*), dẫn đến tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, nên công tác rà soát, bình xét hộ nghèo hằng năm ở cơ sở gặp nhiều khó khăn.

- Các dự án cho vay GQVL chủ yếu là trong lĩnh vực nông nghiệp, việc cho vay còn dàn trải, đối tượng vay chủ yếu là hộ gia đình nên chưa tạo thêm nhiều việc làm mới.

- Công tác phối hợp với các cấp, các ngành với các đơn vị tham gia xuất khẩu lao động chưa tốt, hiệu quả chưa cao, tỷ lệ tham gia xuất khẩu lao động thấp chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

- Công tác kiểm tra, giám sát của các cấp trong việc triển khai thực hiện chương trình còn hạn chế; việc sơ kết, tổng kết, đánh giá chưa được chú trọng đúng mức; bình xét hộ nghèo có nơi chưa chính xác, chưa phản ánh đúng thực trạng hộ nghèo.

2.2 Nguyên nhân

a) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của một số cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành đoàn thể có lúc có nơi thiếu tập trung, chưa thường xuyên.

- Công tác tuyên truyền về chủ trương của đảng, chính sách của nhà nước về công tác GN-GQVL&ĐTN tuy đã được đẩy mạnh nhưng chưa đa dạng, phong phú, thiếu kịp thời, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các địa phương.

- Cán bộ làm công tác GN-GQVL&ĐTN của cơ sở thiếu tính ổn định, cách tổ chức thực hiện chương trình còn lúng túng, chậm đổi mới. Việc sơ, tổng kết, đánh giá công tác GN-GQVL&ĐTN chưa được chú trọng đúng mức. Công tác bình xét hộ nghèo có nơi chưa chính xác, chưa phản ánh đúng thực trạng hộ nghèo.

- Một bộ phận người nghèo còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách giảm nghèo của Nhà nước, một bộ phận nhân dân không muốn thoát nghèo để hưởng các chính sách.

b) Nguyên nhân khách quan

- Do vị trí địa lý, hằng năm thường xuyên bão lũ, hạn hán xảy ra, các loại dịch bệnh cây trồng, vật nuôi luôn tiềm ẩn phức tạp cũng là nguyên nhân tác động gián tiếp dẫn đến tình trạng nghèo ở địa phương.

- Chuyên dịch cơ cấu kinh tế của huyện chưa mạnh, các nguồn lực dành cho giảm nghèo còn hạn chế.

- Đa số hộ nghèo không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, hoặc nắm bắt khoa học kỹ thuật còn chậm, trình độ canh tác còn thấp kém, chưa biết vận dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; một số hộ nghèo còn thiếu lao động, đồng người ăn theo, ốm đau bệnh tật, có lao động nhưng không có việc làm,...

- Một số cán bộ làm công tác GN-GQVL ở cơ sở trình độ chuyên môn còn hạn chế, mặt khác công việc tập trung cho cấp xã ngày càng nhiều, quá tải nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gặp khó khăn.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GN-GQVL&ĐTN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2015

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tập trung mọi nguồn lực, kết hợp đồng bộ các chính sách hỗ trợ cho các hộ nghèo góp phần tạo cơ hội vươn lên trong cuộc sống, hạn chế tái nghèo và rơi vào nghèo mới, tạo điều kiện cho hộ thoát nghèo vươn lên khá giàu. Nâng cao chất lượng cuộc sống cho hộ nghèo, cải thiện điều kiện sống và sản xuất, giảm dần khoảng cách về thu nhập, mức sống giữa các khu vực, giữa hộ giàu và hộ nghèo. Tăng cường tuyên truyền vận động hộ nghèo có kế hoạch thoát nghèo, tự vươn lên thoát nghèo từ chính bản thân người nghèo.

- Giải quyết việc làm với phương châm tạo việc làm cho người lao động thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mùa vụ, cây trồng, vật nuôi. Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tự tạo việc làm và tìm kiếm việc làm thông qua các chương trình như xuất khẩu lao động và làm việc tại các khu, cụm công nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng lao động, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo nhu cầu học nghề của người lao động và yêu cầu của thị trường lao động, gắn đào tạo nghề với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và mỗi địa phương; đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia học nghề, tập huấn nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của mình, phấn đấu để mọi người dân đến tuổi lao động đều được đào tạo bồi dưỡng huấn luyện nghề.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở cần tập chung mọi nguồn lực, điều kiện cho phép để thực hiện hiệu quả chương trình GN-GQVL&ĐTN của mỗi địa phương nói riêng và của huyện nói chung.

- Các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn phải điều tra, rà soát nắm bắt nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu sử dụng lao động để giải quyết việc làm, nhu cầu cung ứng lao động của các doanh nghiệp, ngành nghề cần đào tạo... để xây dựng GN-GQVL&ĐTN sát với thực tiễn.

- Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xây dựng kế hoạch giúp đỡ đoàn viên, hội viên bằng các hình thức đa dạng phong phú sáng tạo để nâng cao trình độ nghề, tạo việc làm giúp nhân dân giảm nghèo bền vững.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3% theo tiêu chí hiện hành;
- Tạo việc làm mới cho 1.500 lao động;
- Đào tạo nghề lao động nông thôn đạt chỉ tiêu tỉnh giao.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đối với công tác Giảm nghèo

* *Nhiệm vụ:* Giảm 0,73% tỷ lệ hộ nghèo vào cuối năm 2015 (tương đương 368 hộ) để tỷ lệ hộ nghèo chung của huyện còn dưới 3%, cụ thể:

Số TT	Xã, thị trấn	Số liệu rà soát cuối năm 2014				Dự kiến cuối năm 2015			
		Tổng số hộ dân cư (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Tổng số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Số hộ thoát nghèo (hộ)	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo chung (%)	Tỷ lệ hộ nghèo giảm (%)
1	Phước Hưng	3.741	13.377	75	2,00	4	71	1,89	0,11
2	Phước Quang	3.705	13.706	144	3,89	28	116	3,13	0,76
3	Phước Hòa	4.233	15.369	176	4,16	34	142	3,35	0,81
4	Phước Thắng	2.700	9.786	154	5,70	42	112	4,14	1,56
5	Phước Sơn	6.394	23.398	313	4,90	61	252	3,95	0,95
6	Phước Thuận	4.342	16.651	238	5,48	59	179	4,13	1,35
7	Phước Hiệp	4.341	16.010	171	3,94	33	138	3,18	0,76
8	Phước Lộc	4.016	15.292	147	3,66	28	119	2,95	0,71
9	Phước Nghĩa	1.444	4.911	17	1,18	2	15	1,01	0,17
10	Phước An	5.189	19.894	175	3,37	29	146	2,81	0,56
11	Phước Thành	3.085	11.763	139	4,51	27	112	3,63	0,88
12	TT Tuy Phước	3.633	13.698	54	1,49	8	46	1,28	0,21
13	TT Diêu Trì	3.447	12.820	66	1,91	13	53	1,54	0,37
Tổng số		50.270	186.675	1.869	3,72	368	1.501	2,99	0,73

Ngoài ra, tùy theo tình hình phát triển kinh tế, xã hội và hiệu quả trong việc triển khai thực hiện các chính sách GN-GQVL&ĐTN ở mỗi địa phương mà tỷ lệ hộ nghèo có thể giảm hơn so với chỉ tiêu đã được phân bổ nêu trên.

* Một số giải pháp thực hiện

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ của Nhà nước về vốn vay ưu đãi phục vụ sản xuất, hỗ trợ xây nhà đại đoàn kết, miễn

giảm học phí, bảo hiểm y tế, hỗ trợ tiền điện, đảm bảo công tác an sinh xã hội... Thực hiện đầy đủ chính xác kịp thời các chế độ cho đối tượng chính sách xã hội, công tác đền ơn đáp nghĩa, từ thiện nhân đạo đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Kiện toàn và nâng cao vai trò hoạt động của BCD các cấp thực hiện tốt công tác dạy nghề, giới thiệu việc làm và giảm nghèo.

2. Đối với công tác giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động

* *Nhiệm vụ:* Giải quyết việc làm mới cho khoảng 1.500 lao động.

* *Một số giải pháp thực hiện*

- Phát triển công nghiệp gắn với chương trình GQVL, tạo ra nhiều cơ hội việc làm; tiếp tục khuyến khích, kêu gọi đầu tư, phát triển vào các cụm, điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện về thương mại và dịch vụ, phát triển các làng nghề để thu hút lao động có việc làm tại chỗ.

- Phối hợp với các Trung tâm giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh tổ chức tư vấn cho người lao động trên địa bàn huyện.

3. Đối với công tác đào tạo nghề

* *Nhiệm vụ:* Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt kế hoạch tỉnh giao.

* *Một số giải pháp thực hiện*

- UBND các xã, thị trấn tổ chức rà soát số lao động cần đào tạo, lĩnh vực đào tạo cho nông dân để đăng ký với huyện có kế hoạch liên kết, phối hợp, đào tạo nghề.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn phải với GQVL, chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với giảm nghèo và góp phần bảo đảm an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới. Trong quá trình thực hiện cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, nhất là vai trò của chính quyền cấp xã.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Từ nguồn đào tạo nghề theo Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Từ các nguồn vốn hỗ trợ của Chương trình MTQG về giảm nghèo.

- Từ nguồn vốn cho vay ưu đãi của Ngân hàng CSXH huyện.

- Từ nguồn ngân sách huyện và Quỹ "Ngày vì người nghèo" của huyện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - TB&XH huyện

- Chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ nhu cầu kinh phí thực hiện chương trình GN-GQVL&ĐTN của huyện tổng hợp, đề xuất báo cáo UBND huyện phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện.

- Đề xuất các giải pháp, biện pháp trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề đối với các cơ sở dạy nghề của tỉnh và huyện, giám sát chất lượng đào tạo nghề và dạy nghề trên địa bàn.

- Phối hợp với phòng, ban chức năng và UBND các xã, thị trấn thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn, tạo điều kiện cho hộ nghèo được thụ hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước.

- Tham mưu kiểm tra, giám sát đánh giá các hoạt động GN-GQVL&ĐTN; Hướng dẫn công tác rà soát, bình xét hộ nghèo cuối năm; phối hợp tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ về công tác GN-GQVL&ĐTN cho cán bộ ở cơ sở và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cho UBND huyện.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: Căn cứ Kế hoạch của UBND huyện về GN-GQVL&ĐTN, chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH đề xuất kinh phí thực hiện chương trình GN-GQVL&ĐTN, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí đúng quy định.

3. Phòng Y tế và Trung tâm y tế huyện: Chỉ đạo các cơ sở y tế trong huyện thực hiện các chính sách về hỗ trợ y tế đối với người nghèo, người cận nghèo và các đối tượng khác theo đúng quy định.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi trong giáo dục đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng khác theo quy định. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, vận động các ban, ngành, hội đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân quan tâm, chăm lo phát triển cơ sở vật chất, trường lớp, hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập, học bổng cho học sinh nghèo vượt khó; tạo điều kiện cho trẻ em nghèo được đến trường.

5. Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Hướng nghiệp huyện

Chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, tư vấn phân luồng, tuyển sinh đào tạo dạy nghề, tuyển sinh bổ túc văn hóa, nghề theo chương trình GN-GQVL&ĐTN của huyện; nâng cao chất lượng đào tạo nghề, nhằm thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

- Chủ trì phối hợp với phòng Lao động - TB&XH chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai cho các xã, thị trấn thực hiện các hoạt động dạy nghề, tập huấn nghề cho lao động nông thôn, hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập cho người nghèo trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện Chương trình GN-GQVL&ĐTN, hướng dẫn thực hiện một số chính sách, dự án về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho người nghèo, hướng dẫn thực hiện Chương trình Quốc gia về nông thôn mới, Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường gắn với công tác GN-GQVL&ĐTN. Nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

7. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện: Huy động nguồn vốn đảm bảo thực hiện tốt cho vay tín dụng ưu đãi hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng khác; quản lý vốn và thực hiện cho vay đúng quy định, đúng đối tượng, thực hiện cải

cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa, tạo điều kiện cho người nghèo vay vốn nhanh gọn, hiệu quả. Hàng quý, năm tổng hợp kết quả cho vay vốn GN-GQVL&ĐTN báo cáo cho UBND huyện.

8. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện: Phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH chỉ đạo các xã, thị trấn triển khai công tác GN-GQVL&ĐTN, quản lý, tổ chức thực hiện việc dạy nghề sơ cấp, ngắn hạn, tập huấn, bồi dưỡng nghề, truyền nghề ở các làng nghề, tạo việc làm mới tại các làng nghề, phối hợp với Sở Công thương thực hiện tốt chương trình khuyến công trên địa bàn huyện; Tiếp tục nâng cao và phát huy hiệu quả các làng nghề truyền thống của huyện.

9. Phòng Nội vụ huyện: Chủ trì trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã. Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã theo mục tiêu, cơ chế chính sách của Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

10. Phòng Tư pháp huyện: Chủ trì triển khai công tác trợ giúp pháp lý người nghèo trên địa bàn huyện.

11. Phòng Văn hóa - Thông tin, Đài Truyền thanh, Trung tâm Văn hóa - Thông tin huyện: Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch tuyên truyền các chế độ chính sách của tỉnh về một số chính sách hỗ trợ GN-GQVL&ĐTN trên địa bàn theo chương trình của huyện.

12. Đề nghị Ủy ban MTTQVN và các ban ngành đoàn thể huyện chủ động phối hợp với các ngành liên quan xây dựng kế hoạch phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về GN-GQVL&ĐTN cho lao động; tư vấn học nghề, việc làm, vận động các thành viên của tổ chức mình tham gia học nghề. Tiếp tục đẩy mạnh công tác vận động, xây dựng quỹ ngày vì người nghèo, phối hợp hỗ trợ có hiệu quả trên từng địa bàn; đẩy mạnh xã hội hóa huy động mọi nguồn lực xã hội tích cực tham gia thực hiện hoàn thành mục tiêu GN-GQVL&ĐTN.

13. UBND các xã, thị trấn

- Căn cứ Kế hoạch của UBND huyện, xây dựng kế hoạch với các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đồng thời thông qua cấp ủy để có sự thống nhất và chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn để đạt kết quả.

- củng cố, kiện toàn BCD GN-GQVL&ĐTN của địa phương.

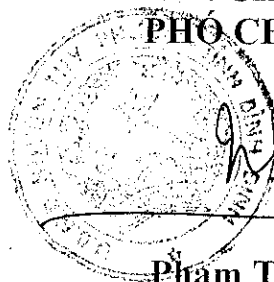
- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo. Có chỉ tiêu định hướng giảm nghèo cụ thể cho các thôn; tổ chức tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 đảm bảo theo chỉ tiêu định hướng của huyện.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành triển khai thực hiện các dự án theo kế hoạch. Thực hiện tốt công tác tổng hợp, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác GN-GQVL&ĐTN trong năm gửi về Phòng Lao động - TB&XH để tổng hợp báo cáo UBND huyện.

- Phối hợp với các ngành chức năng của huyện và các đơn vị trên vị dạy nghề thực hiện kế hoạch dạy nghề, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, tập huấn nghề cho người lao động phù hợp với chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình GN-GQVL&ĐTN năm 2015 trên địa bàn huyện, UBND huyện yêu cầu các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và UBND các xã, thị trấn bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, hội đoàn thể, các tổ chức xã hội nghiêm túc tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Tích Hiếu